

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ
THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 13 - 30 |
| 8. Phụ lục | 31 - 34 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi theo Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649250, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 8 năm 2025.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, quốc lộ 22, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3892 2258
- Fax : +84 (028) 3796 1355

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gồm:

- Hoạt động công ích: quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, thủy nông trên địa bàn thành phố; quản lý nước phục vụ dân sinh, kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái;
- Hoạt động kinh doanh khác: dịch vụ về cấp nước, thải nước khu dân cư; thi công xây lắp công trình thủy lợi và dân dụng; đo đạc địa chính; lập dự toán công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng công trình cầu đường, bến cảng; chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí giao thông, thủy lợi; sản xuất và cung ứng giống cây trồng và vật nuôi các loại; kinh doanh vật tư, thiết bị, công cụ và mua bán sản phẩm nông nghiệp; tư vấn kỹ thuật nông nghiệp; lập dự toán công trình cấp thoát nước, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, cơ khí thuộc dự án nhóm B; lập dự án quy hoạch, dự án đầu tư công trình cấp thoát nước, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, cơ khí thuộc dự án nhóm B; xây dựng các công trình bến cảng, kho bãi; mua bán các mặt hàng phục vụ cho nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị, vật tư, sản phẩm, nguyên liệu ngành xây dựng và thủy lợi, thương mại, dịch vụ; thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); khảo sát địa hình xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi (xây dựng và hoàn thiện); thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (xây dựng và hoàn thiện).

Công ty có Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là “Ban Quản lý dự án”) đặt tại địa chỉ số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, quốc lộ 22, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh là đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân, không được mở tài khoản tại ngân hàng và chi nhánh Kho bạc Nhà nước.

Hội đồng thành viên, kiểm soát viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Đam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2026 |
| | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2026 |
| Ông Nguyễn Hữu Đức | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2025 |
| Ông Ngô Tấn Sanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2024 |

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Tuyết Nhung (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021).



9815
TY TNHH
N VÀ T
& C
- TP. HỒ

Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------|----------------|--|
| Ông Nguyễn Văn Đam | Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021 |
| Ông Phạm Văn Nhiên | Phó Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2022 |
| Ông Bùi Kinh Luân | Phó Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Lê Trường Thọ | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thị Hải | Kế toán trưởng | Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2023 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đam – Chủ tịch Hội đồng thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2026).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Đam
Chủ tịch hội đồng thành viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2026



Số: 1.0133/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI
TP. HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 01 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý về các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Tài sản cố định hữu hình bao gồm thiết bị quản lý, tài sản cố định hữu hình khác – tài sản phục vụ hoạt động thủy lợi công ích nhận bàn giao từ các ban quản lý dự án của TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.8 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp) được ghi tăng tài sản cố định hữu hình và tăng nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Các tài sản cố định hữu hình này được ghi nhận theo giá trị tại ngày bàn giao và không được tính khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tung

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền



Nguyễn Quang Châu

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2607-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026



0300
CÔ
IỂM T
C/N H

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 87.092.424.092 | 65.854.478.460 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 51.198.171.591 | 34.380.653.843 |
| 1. Tiền | 111 | | 22.510.520.269 | 3.380.653.843 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 28.687.651.322 | 31.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 2.553.074.054 | 5.450.167.038 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.11a | 2.553.074.054 | 5.450.167.038 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 32.725.642.379 | 25.252.563.899 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 21.036.715.201 | 20.494.172.829 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 10.195.301.735 | 3.464.015.823 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 2.036.040.087 | 2.178.554.315 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (542.414.644) | (884.179.068) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 300.530.304 | 143.813.743 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 300.530.304 | 143.813.743 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 315.005.764 | 627.279.937 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 190.018.264 | 627.279.937 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 124.987.500 | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.616.389.851.342 | 2.798.128.701.228 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.606.308.701.373 | 1.787.969.539.999 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 1.605.749.672.537 | 1.787.000.245.169 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.699.808.531.609 | 1.885.326.798.870 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (94.058.859.072) | (98.326.553.701) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 559.028.836 | 969.294.830 |
| - Nguyên giá | 228 | | 2.222.016.050 | 2.222.016.050 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.662.987.214) | (1.252.721.220) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.006.684.343.364 | 1.006.035.757.288 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 1.006.684.343.364 | 1.006.035.757.288 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.11b | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 396.806.605 | 1.123.403.941 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 396.806.605 | 1.123.403.941 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.703.482.275.434 | 2.863.983.179.688 |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



15 - C
TNHH
À TỬ V
C
P. HỒ C

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 44.696.171.428 | 50.148.332.525 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 43.840.423.761 | 49.523.541.152 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12a | 21.809.127.770 | 25.532.366.952 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 939.014.076 | 1.095.195.077 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 1.100.209.287 | 672.470.631 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 10.868.718.894 | 13.701.843.144 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 777.883.806 | 529.087.188 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.16 | 1.085.041.781 | 1.590.648.165 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 7.260.428.147 | 6.401.929.995 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 855.747.667 | 624.791.373 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.12b | 260.967.200 | 260.967.200 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 40.000.000 | 45.800.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | V.18 | 554.780.467 | 318.024.173 |



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 2.658.786.104.006 | 2.813.834.847.163 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 2.654.213.502.822 | 2.809.262.245.979 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.19a,b | 655.893.456.506 | 655.893.456.506 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | V.19a,b | 977.232.277.278 | 1.156.752.931.042 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.19a | 6.457.925.090 | (9.832.567.847) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (10.278.460) | (9.832.567.847) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 6.468.203.550 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | V.19a | 1.014.629.843.948 | 1.006.448.426.278 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 4.572.601.184 | 4.572.601.184 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | V.19a | 165.041.000 | 165.041.000 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | V.19a | 4.407.560.184 | 4.407.560.184 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.703.482.275.434 | 2.863.983.179.688 |

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lậpNguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Văn Đam
Chủ tịch hội đồng thành viên

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 125.814.580.513 | 97.840.281.163 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 125.814.580.513 | 97.840.281.163 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 105.490.979.620 | 90.822.798.495 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 20.323.600.893 | 7.017.482.668 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.626.555.680 | 1.832.188.225 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 27.020.772 | 32.189.235 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 717.230.532 | 1.119.473.057 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 14.714.825.876 | 17.992.677.899 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 6.491.079.393 | (10.294.669.298) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 1.477.982.670 | 1.660.894.691 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 38.457.268 | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.439.525.402 | 1.660.894.691 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 7.930.604.795 | (8.633.774.607) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 1.462.401.245 | 1.238.955.691 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>6.468.203.550</u> | <u>(9.872.730.298)</u> |

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lậpNguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Văn Đam
Chủ tịch hội đồng thành viên

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-----------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 7.930.604.795 | (8.633.774.607) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8, 9, 18 | 2.928.777.415 | 2.963.369.347 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.16 | (393.429.333) | 84.940.930 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, 8 | (1.614.178.412) | (1.832.188.225) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | 283.117.404 | (489.327.670) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 9.134.891.869 | (7.906.980.225) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 14.883.226.103 | 52.588.617.508 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (156.716.561) | (54.115.340) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 3.735.084.467 | (58.023.093.503) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.163.859.009 | 359.606.488 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.14 | (1.272.000.000) | (1.343.000.000) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.17 | 120.704.621 | 129.138.676 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.16, 17 | (5.202.914.305) | (5.311.121.360) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 22.406.135.203 | (19.560.947.756) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.3, 8, 10, 12a | (10.128.866.119) | (9.737.240.258) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 16.600.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 2.897.092.984 | 3.348.045.828 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3 | 1.626.555.680 | 1.832.188.225 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (5.588.617.455) | (4.557.006.205) |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 16.817.517.748 | (24.117.953.961) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 34.380.653.843 | 58.498.607.804 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 51.198.171.591 | 34.380.653.843 |



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập



Nguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đam
Chủ tịch hội đồng thành viên

C.T.
HH
Ư.V.
C.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thi công xây lắp công trình thủy lợi; dịch vụ cấp nước, thải nước khu dân cư; quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, thủy nông trên địa bàn thành phố; quản lý nước phục vụ dân sinh, kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình đặt tại số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 313 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 318 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư số 200"), Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 ("Thông tư số 75") và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 ("Thông tư số 53") về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư số 99") hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200, Thông tư số 75 và Thông tư số 53. Các quy định của Thông tư số 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa Công ty với đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 6 năm. Các chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 4 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 8 |
| Tài sản cố định khác | 12 |



3044
ÔNG
TOÁ
A
HÓA

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Hao mòn tài sản cố định được phân loại là tài sản hạ tầng giao thông thủy lợi tuân thủ theo quy định của Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 được ghi nhận mỗi năm một lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán. Trường hợp tài sản có thời gian tính hao mòn lớn hơn hoặc bằng 6 (sáu) tháng thì tính tròn 1 (một) năm; trường hợp tài sản có thời gian tính hao mòn dưới 6 (sáu) tháng thì không tính hao mòn. Tỷ lệ hao mòn của tài sản hạ tầng giao thông thủy lợi là 10%/năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (từ 5 đến 20 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc, thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả này được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tối đa 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ;
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ;
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm;
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ;
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ;
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất;
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ tối đa 20% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau hoặc tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung tài sản từ các dự án hoàn thành được Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chuyển giao quản lý và sử dụng.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. **Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc



U.N. 02
C
KIỂM
W.SON

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 72.020.628 | 24.230.116 |
| <i>Văn phòng Công ty</i> | 72.020.628 | 24.230.116 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 22.438.499.641 | 3.356.423.727 |
| <i>Văn phòng Công ty</i> | 8.898.220.503 | 1.683.039.030 |
| <i>Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình</i> | 13.540.279.138 | 1.673.384.697 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 28.687.651.322 | 31.000.000.000 |
| <i>Văn phòng Công ty</i> | 28.687.651.322 | 18.000.000.000 |
| <i>Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình</i> | - | 13.000.000.000 |
| Cộng | <u>51.198.171.591</u> | <u>34.380.653.843</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông | 6.375.749.436 | 6.100.153.416 |
| Sở Nông nghiệp và Môi trường | 6.557.455.700 | - |
| Ngân sách Nhà nước | - | 10.675.429.405 |
| Trung tâm phát triển hạ tầng kỹ thuật Thành phố Thủ Đức | 3.795.323.000 | - |
| Các khách hàng khác | 4.308.187.065 | 3.718.590.008 |
| Cộng | <u>21.036.715.201</u> | <u>20.494.172.829</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Văn phòng Công ty | 222.814.001 | 322.000.000 |
| Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình | 9.972.487.734 | 3.142.015.823 |
| <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Thương Mại Thời Bình</i> | - | 2.021.412.743 |
| <i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh</i> | 9.654.289.784 | - |
| <i>Các nhà cung cấp khác</i> | 318.197.950 | 1.120.603.080 |
| Cộng | <u>10.195.301.735</u> | <u>3.464.015.823</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



30449
ÔNG T
TOÁN
A8
Y0A-

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trong đó, công nợ trả trước người bán liên quan mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản là 9.972.487.734 VND (số đầu năm là 3.142.015.823 VND).

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu người lao động | 597.153.662 | - | 327.793.938 | - |
| Tạm ứng | 125.928.644 | - | 526.123.068 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 1.312.957.781 | - | 1.324.637.309 | - |
| Cộng | 2.036.040.087 | - | 2.178.554.315 | - |

5. Nợ quá hạn

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|-------------------|--------------------|------------------------|-------------------|--------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Tàu Cuốc - Xí nghiệp Thi công Cơ giới | Trên 3 năm | 530.000.000 | - | Trên 3 năm | 530.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Hữu Phước | Trên 3 năm | 12.414.644 | - | Trên 3 năm | 12.414.644 | - |
| Ông Phạm Hưng Long | | - | - | Trên 3 năm | 341.764.424 | - |
| Cộng | | 542.414.644 | - | | 884.179.068 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | (884.179.068) | (904.179.068) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | 20.000.000 |
| Xử lý xóa sổ | 341.764.424 | - |
| Số cuối năm | (542.414.644) | (884.179.068) |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 142.544.196 | 141.086.470 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 157.986.108 | 2.727.273 |
| Cộng | 300.530.304 | 143.813.743 |

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 83.811.690 | 15.941.307 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 312.994.915 | 1.107.462.634 |
| Cộng | 396.806.605 | 1.123.403.941 |



815
YTN
VAT
C
TP.V

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 1 đính kèm.

Các tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.592.944.641.505 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.772.465.295.269 VND) phục vụ hoạt động thủy lợi công ích nhận bàn giao từ các ban quản lý dự án của TP. Hồ Chí Minh không được tính khấu hao.

9. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 660.892.750 | 1.561.123.300 | 2.222.016.050 |
| Số cuối năm | 660.892.750 | 1.561.123.300 | 2.222.016.050 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 460.892.750 | 315.000.000 | 775.892.750 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 612.828.173 | 639.893.047 | 1.252.721.220 |
| Khấu hao trong năm | 9.999.996 | 400.265.998 | 410.265.994 |
| Số cuối năm | 622.828.169 | 1.040.159.045 | 1.662.987.214 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 48.064.577 | 921.230.253 | 969.294.830 |
| Số cuối năm | 38.064.581 | 520.964.255 | 559.028.836 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Văn phòng Công ty | - | 22.070.400 |
| Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình | 1.006.684.343.364 | 1.006.013.686.888 |
| Cộng | 1.006.684.343.364 | 1.006.035.757.288 |

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang được trình bày tại Phụ lục 2 đính kèm.

11. Các khoản đầu tư tài chính

11a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 4,2%/năm.

11b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông với số lượng 300.000 cổ phiếu.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Văn phòng Công ty | 5.525.698.808 | 7.463.060.789 |
| Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hoà nay là Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy Lợi Miền Nam | 3.012.251.814 | 6.057.602.415 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng An Hưng | 722.834.753 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.790.612.241 | 1.405.458.374 |
| Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình | 16.283.428.962 | 18.069.306.163 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng An Khánh | 507.057.000 | 507.057.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Sài Gòn | 1.241.276.000 | 1.241.276.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Công trình Tin Đạt | 1.146.380.000 | 1.146.380.000 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Thủy Sản II | 959.789.000 | 959.789.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Thới Bình | 1.654.691.000 | 1.654.691.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Tây Bắc | 191.573.000 | 191.573.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Hồng Thủy VN | 439.944.000 | 439.944.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Giang Bình | 286.768.000 | 286.768.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 9.855.950.962 | 11.641.828.163 |
| Cộng | <u>21.809.127.770</u> | <u>25.532.366.952</u> |

Trong đó, công nợ phải trả người bán liên quan mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản là 16.283.428.962 VND (số đầu năm là 18.069.306.163 VND).

12b. Phải trả người bán dài hạn

Các khoản phải trả cho các nhà thầu thực hiện dự án Cải tạo kênh Ba Bò - Xây dựng hồ điều tiết và đoạn 1 tuyến kênh chính.

12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Trả trước liên quan đến hoạt động xây dựng | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng - Điện - Nước Thiên Việt | 414.654.329 | 427.622.151 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Huyện Minh | 135.411.191 | 442.775.926 |
| Các khách hàng khác | 188.948.556 | 24.797.000 |
| Cộng | <u>939.014.076</u> | <u>1.095.195.077</u> |



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|--------------------|----------|------------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 391.603.755 | - | 4.697.547.676 | (4.701.402.391) | 387.749.040 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 176.943.919 | - | 1.462.401.245 | (1.272.000.000) | 367.345.164 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 103.922.957 | - | 717.467.562 | (476.275.436) | 345.115.083 | - |
| Tiền thuê đất | - | - | 415.703.400 | (540.690.900) | - | 124.987.500 |
| Thuế môn bài | - | - | 6.000.000 | (6.000.000) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 3.503.808 | (3.503.808) | - | - |
| Cộng | 672.470.631 | - | 7.302.623.691 | (6.999.872.535) | 1.100.209.287 | 124.987.500 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán cây giống : Không chịu thuế
- Cấp nước sạch : 5%
- Xây lắp, cấp nước thô : 8%, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.930.604.795 | (8.633.774.607) |
| Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp | 233.401.431 | 15.668.553.060 |
| Thu nhập chịu thuế | 8.164.006.226 | 7.034.778.454 |
| Thu nhập miễn thuế | (852.000.000) | (840.000.000) |
| Thu nhập tính thuế | 7.312.006.226 | 6.194.778.454 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.462.401.245 | 1.238.955.691 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| Vị trí đất | Mức tiền thuê |
|--|----------------------------|
| - Ấp Trạm Bơm, quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh (nay là ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh) với diện tích 5.500 m ² | 75.750 VND/m ² |
| - Số 215 Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú (nay là số 215 Lê Trọng Tấn, phường Tân Sơn Nhì, TP. Hồ Chí Minh) | 475.200 VND/m ² |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Phải trả khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Nhận ký quỹ ký cược | 12.500.000 | 30.900.000 |
| Các khoản phải trả khác | 765.389.320 | 498.187.188 |
| <i>Văn phòng Công ty</i> | 765.383.806 | 465.085.188 |
| <i>Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình</i> | - | 33.102.000 |
| Cộng | <u>777.883.806</u> | <u>529.087.188</u> |

15b. Phải trả dài hạn khác

Nhận đặt cọc bảo lãnh thực hiện công trình.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành các công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 1.590.648.165 | 1.537.184.077 |
| Tăng do trích lập | 287.816.595 | 137.576.532 |
| Số đã sử dụng | (112.177.051) | (51.476.842) |
| Số hoàn nhập vào thu nhập | (681.245.928) | (32.635.602) |
| Số cuối năm | <u>1.085.041.781</u> | <u>1.590.648.165</u> |

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Tiền thưởng từ các ban ngành</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 3.228.895.874 | 2.846.395.830 | 110.704.621 | (2.522.323.383) | 3.663.672.942 |
| Quỹ phúc lợi | 2.932.510.685 | 2.858.539.417 | 10.000.000 | (2.204.294.897) | 3.596.755.205 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 240.523.436 | 128.359.495 | - | (368.882.931) | - |
| Cộng | <u>6.401.929.995</u> | <u>5.833.294.742</u> | <u>120.704.621</u> | <u>(5.095.501.211)</u> | <u>7.260.428.147</u> |

18. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | 318.024.173 | 1.017.587.829 |
| Trích lập | 550.000.000 | 260.000.000 |
| Hao mòn TSCĐ mua sắm dùng cho mục đích nghiên cứu khoa học công nghệ | (46.361.110) | (210.235.986) |
| Số đã hình thành TSCĐ phục vụ kinh doanh | (257.232.596) | (738.487.670) |
| Điều chỉnh khác | (9.650.000) | (10.840.000) |
| Số cuối năm | <u>554.780.467</u> | <u>318.024.173</u> |



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 655.893.456.506 | 655.893.456.506 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 977.232.277.278 | 1.156.752.931.042 |
| Cộng | <u>1.633.125.733.784</u> | <u>1.812.646.387.548</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh | 36.350.982.473 | 30.871.909.090 |
| Doanh thu quản lý khai thác thủy lợi | 89.463.598.040 | 66.968.372.073 |
| Cộng | <u>125.814.580.513</u> | <u>97.840.281.163</u> |

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh | 27.530.320.283 | 21.183.107.747 |
| Giá vốn quản lý khai thác thủy lợi | 77.960.659.337 | 69.639.690.748 |
| Cộng | <u>105.490.979.620</u> | <u>90.822.798.495</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi | 774.555.680 | 992.188.225 |
| Cổ tức được chia | 852.000.000 | 840.000.000 |
| Cộng | <u>1.626.555.680</u> | <u>1.832.188.225</u> |

4. Chi phí tài chính

Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng xây dựng.

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 676.955.776 | 1.067.106.412 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 19.258.000 | 20.256.140 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.851.756 | 11.861.305 |
| Các chi phí khác | 9.165.000 | 20.249.200 |
| Cộng | <u>717.230.532</u> | <u>1.119.473.057</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



15 - C.
TNHH
TƯ VẤN
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 11.140.870.319 | 14.680.744.709 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 161.273.795 | 111.169.533 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 908.241.766 | 753.583.552 |
| Thuế, phí và lệ phí | 8.889.900 | 8.889.900 |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | - | (20.000.000) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 193.709.990 | 213.835.625 |
| Các chi phí khác | 2.301.840.106 | 2.244.454.580 |
| Cộng | <u>14.714.825.876</u> | <u>17.992.677.899</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình đã hết thời hạn bảo hành | 681.245.928 | 32.635.602 |
| Thu nhập từ hợp tác kinh doanh trưng bày sản phẩm chuyên ngành | 444.444.444 | 444.444.444 |
| Thu nhập khác | 352.292.298 | 1.183.814.645 |
| Cộng | <u>1.477.982.670</u> | <u>1.660.894.691</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------|--------------------------|------------------|
| Chi phí khác | 38.457.268 | - |
| Cộng | <u>38.457.268</u> | <u>-</u> |

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 13.782.714.855 | 12.109.791.857 |
| Chi phí nhân công | 72.026.502.403 | 65.156.087.490 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.928.777.415 | 2.963.369.347 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.159.849.166 | 6.098.918.655 |
| Chi phí khác | 22.843.144.003 | 22.412.286.042 |
| Cộng | <u>119.740.987.842</u> | <u>108.740.453.391</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm, Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và kiểm soát viên

| | Chức danh | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------|------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Hữu Đức (*) | Chủ tịch HĐQT | 674.893.354 | 603.905.454 |
| Ông Ngô Tấn Sanh (**) | Thành viên HĐQT | 447.928.827 | 344.039.709 |
| Bà Trần Thị Tuyết Nhung | Kiểm soát viên | 427.448.333 | 472.699.470 |
| Ông Nguyễn Văn Đam | Giám đốc | 750.163.019 | 657.584.745 |
| Ông Bùi Kinh Luân | Phó Giám đốc | 538.333.706 | 489.636.788 |
| Ông Phạm Văn Nhiên | Phó Giám đốc | 581.836.680 | 538.133.987 |
| Ông Lê Trường Thọ | Phó Giám đốc | 488.325.410 | 412.509.409 |
| Bà Nguyễn Thị Hải | Kế toán trưởng | 520.867.712 | 455.584.863 |
| Cộng | | 4.429.797.041 | 3.974.094.425 |

(*) Miễn nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2025

(**) Bỏ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2024

2. Số liệu so sánh

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh số liệu năm trước theo Biên bản kiểm tra việc sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước năm 2024 của Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh ngày 12 tháng 5 năm 2025. Ngoài ra, Công ty còn trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp để phù hợp với thực tế phát sinh tại Công ty.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|--------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| Bảng cân đối kế toán tổng hợp | | | | |
| Tài sản dài hạn | 200 | 2.797.778.215.995 | 350.485.233 | 2.798.128.701.228 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | 772.918.708 | 350.485.233 | 1.123.403.941 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 772.918.708 | 350.485.233 | 1.123.403.941 |
| Tổng cộng tài sản | 270 | 2.863.632.694.455 | 350.485.233 | 2.863.983.179.688 |
| Nợ phải trả | 300 | 51.938.332.525 | (1.790.000.000) | 50.148.332.525 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 51.313.541.152 | (1.790.000.000) | 49.523.541.152 |
| Phải trả người lao động | 314 | 15.491.843.144 | (1.790.000.000) | 13.701.843.144 |
| Vốn chủ sở hữu | 400 | 2.811.694.361.930 | 2.140.485.233 | 2.813.834.847.163 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 2.807.121.760.746 | 2.140.485.233 | 2.809.262.245.979 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | (11.973.053.080) | 2.140.485.233 | (9.832.567.847) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | (11.973.053.080) | 2.140.485.233 | (9.832.567.847) |
| Tổng cộng nguồn vốn | 440 | 2.863.632.694.455 | 350.485.233 | 2.863.983.179.688 |



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|-------|--------------------------|-----------------|------------------------|
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp | | | | |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 92.605.283.728 | (1.782.485.233) | 90.822.798.495 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 5.234.997.435 | 1.782.485.233 | 7.017.482.668 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 18.350.677.899 | (358.000.000) | 17.992.677.899 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | (12.435.154.531) | 2.140.485.233 | (10.294.669.298) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | (10.774.259.840) | 2.140.485.233 | (8.633.774.607) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | (12.013.215.531) | 2.140.485.233 | (9.872.730.298) |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | (10.774.259.840) | 2.140.485.233 | (8.633.774.607) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (10.047.465.458) | 2.140.485.233 | (7.906.980.225) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (56.233.093.503) | (1.790.000.000) | (58.023.093.503) |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 710.091.721 | (350.485.233) | 359.606.488 |

3. Thông tin bổ sung kết quả hoạt động

Công ty có hai lĩnh vực hoạt động là: hoạt động công ích và hoạt động kinh doanh.

Thông tin về kết quả hoạt động của hai lĩnh vực hoạt động này được trình bày ở Phụ lục 4 đính kèm.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đam
Chủ tịch hội đồng thành viên



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 1: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Tài sản hạ tầng giao thông thủy lợi | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số đầu năm | 24.987.364.241 | 63.745.443.958 | 9.920.528.795 | 4.637.900.743 | 1.777.628.000.949 | 4.407.560.184 | 1.885.326.798.870 |
| Mua trong năm | - | - | 863.930.931 | - | - | - | 863.930.931 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (5.096.116.468) | (273.827.960) | - | - | - | (5.369.944.428) |
| Bản giao các công trình cho Trung tâm Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật TP. Thủ Đức | - | (1.491.600.000) | - | - | (179.520.653.764) | - | (181.012.253.764) |
| Số cuối năm | 24.987.364.241 | 57.157.727.490 | 10.510.631.766 | 4.637.900.743 | 1.598.107.347.185 | 4.407.560.184 | 1.699.808.531.609 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 12.061.655.364 | 48.420.487.179 | 8.196.700.835 | 4.151.567.235 | 5.162.705.680 | - | 77.993.116.293 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | | |
| Số đầu năm | 18.733.392.870 | 60.663.027.398 | 9.557.541.588 | 4.209.886.165 | 5.162.705.680 | - | 98.326.553.701 |
| Khấu hao trong năm | 915.068.748 | 1.228.372.513 | 236.445.594 | 184.985.676 | - | - | 2.564.872.531 |
| Bản giao các công trình cho Trung tâm Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật TP. Thủ Đức | - | (1.491.600.000) | - | - | - | - | (1.491.600.000) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (5.067.139.200) | (273.827.960) | - | - | - | (5.340.967.160) |
| Số cuối năm | 19.648.461.618 | 55.332.660.711 | 9.520.159.222 | 4.394.871.841 | 5.162.705.680 | - | 94.058.859.072 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | 6.253.971.371 | 3.082.416.560 | 362.987.207 | 428.014.578 | 1.772.465.295.269 | 4.407.560.184 | 1.787.000.245.169 |
| Số cuối năm | 5.338.902.623 | 1.825.066.779 | 990.472.544 | 243.028.902 | 1.592.944.641.505 | 4.407.560.184 | 1.605.749.672.537 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - | - |



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập



Nguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đàm
Chủ tịch hội đồng thành viên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 3: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | Nguồn kinh phí | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | Cộng |
|---|---------------------------|----------------------------|---|--|--------------------|--|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 655.893.456.506 | 442.821.715.525 | (59.083.239.683) | 1.942.799.472.896 | 165.041.000 | 4.407.560.184 | 2.987.004.006.428 |
| Tăng nguồn vốn từ ngân sách trong năm của Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình | - | - | - | 534.841.723 | - | - | 534.841.723 |
| Giảm kinh phí phục vụ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi các năm trước sau phê duyệt quyết toán | - | - | 64.701.074.912 | - | - | - | 64.701.074.912 |
| Quyết toán các công trình trong năm với Ngân sách Nhà nước | - | - | - | (920.542.362.240) | - | - | (920.542.362.240) |
| Hoàn trả ngân sách phục vụ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi các năm trước sau phê duyệt quyết toán | - | - | - | (16.343.526.101) | - | - | (16.343.526.101) |
| Giảm chi phí giá vốn không hợp lệ theo kết luận sau quyết toán | - | - | (135.966.090) | - | - | - | (135.966.090) |
| Tăng từ tài sản cố định | - | 713.931.215.517 | - | - | - | - | 713.931.215.517 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | (9.872.730.298) | - | - | - | (9.872.730.298) |
| Trích lập các quỹ | - | - | (5.441.706.688) | - | - | - | (5.441.706.688) |
| Số dư cuối năm trước | 655.893.456.506 | 1.156.752.931.042 | (9.832.567.847) | 1.006.448.426.278 | 165.041.000 | 4.407.560.184 | 2.813.834.847.163 |
| Số dư đầu năm nay | 655.893.456.506 | 1.156.752.931.042 | (9.832.567.847) | 1.006.448.426.278 | 165.041.000 | 4.407.560.184 | 2.813.834.847.163 |
| Chênh lệch thu chi được Ngân sách nhà nước bù đắp | - | - | 15.650.820.172 | - | - | - | 15.650.820.172 |
| Tăng nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước trong năm của Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình | - | - | - | 10.896.713.543 | - | - | 10.896.713.543 |
| Bàn giao các công trình cho Trung tâm Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật TP. Thủ Đức | - | (179.520.653.764) | - | - | - | - | (179.520.653.764) |
| Hoàn trả Ngân sách Nhà nước vốn cấp thừa của các công trình đã quyết toán | - | - | - | (2.715.295.873) | - | - | (2.715.295.873) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 6.468.203.550 | - | - | - | 6.468.203.550 |
| Trích lập các quỹ | - | - | (5.828.530.785) | - | - | - | (5.828.530.785) |
| Số dư cuối năm nay | 655.893.456.506 | 977.232.277.278 | 6.457.925.090 | 1.014.629.843.948 | 165.041.000 | 4.407.560.184 | 2.658.786.104.006 |



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập



Nguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đam
Chủ tịch hội đồng thành viên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 41 Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 4: Thông tin về kết quả hoạt động hai mảng kinh doanh

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Hoạt động công ích | Hoạt động kinh doanh | Cộng |
|--|-------|--------------------|----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 89.463.598.040 | 36.350.982.473 | 125.814.580.513 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | - | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 89.463.598.040 | 36.350.982.473 | 125.814.580.513 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 77.960.659.337 | 27.530.320.283 | 105.490.979.620 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 11.502.938.703 | 8.820.662.190 | 20.323.600.893 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | - | 1.626.555.680 | 1.626.555.680 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | - | 27.020.772 | 27.020.772 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | - | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | - | 717.230.532 | 717.230.532 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 10.310.174.414 | 4.404.651.462 | 14.714.825.876 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 1.192.764.289 | 5.298.315.104 | 6.491.079.393 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 70.079.000 | 1.407.903.670 | 1.477.982.670 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 9.480.000 | 28.977.268 | 38.457.268 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 60.599.000 | 1.378.926.402 | 1.439.525.402 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 1.253.363.289 | 6.677.241.506 | 7.930.604.795 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 269.160.817 | 1.193.240.428 | 1.462.401.245 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | - | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | <u>984.202.472</u> | <u>5.484.001.078</u> | <u>6.468.203.550</u> |


Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Hải
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Văn Đam
Chủ tịch hội đồng thành viên